

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2934/BKHCN-TCCB

V/v góp ý Dự thảo Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện quy định tại khoản 3, 4 Điều 20 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Khoa học và Công nghệ đã dự thảo Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

(Dự thảo Thông tư được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ tại mục “Lấy ý kiến về văn bản KH&CN”)

Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, góp ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Thông tư nêu trên và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ **trước ngày 04/11/2022**.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Tùng

Trần Văn Tùng

Số: /2022/TT-BKHHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO 28.9.2022

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng quản lý), mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ quan quản lý cấp trên; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cấp có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội căn cứ quy định của Thông tư này và các quy định của Đảng và của pháp luật có liên quan để áp dụng cho phù hợp.

4. Thông tư này không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Nguyên tắc và điều kiện thành lập Hội đồng quản lý

1. Nguyên tắc, điều kiện và thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và 7 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 120/2020/NĐ-CP).

2. Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và có mức tự bảo đảm chi đầu tư bằng hoặc lớn hơn mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định của đơn vị phải thành lập Hội đồng quản lý để quyết định những vấn đề quan trọng của tổ chức.

3. Khuyến khích các tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở điều kiện cụ thể và yêu cầu quản lý.

Điều 4. Thủ tục thành lập Hội đồng quản lý

1. Thủ tục thành lập Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

2. Đề án thành lập Hội đồng quản lý gồm các nội dung chính như sau:

- a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;
- b) Vị trí, chức năng;
- c) Nhiệm vụ và quyền hạn;
- d) Cơ cấu tổ chức;
- đ) Dự kiến phương án nhân sự của Hội đồng quản lý;
- e) Kiến nghị của cơ quan, đơn vị xây dựng đề án thành lập Hội đồng quản lý (nếu có).

3. Thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

1. Hội đồng quản lý là đại diện của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

a) Quyết định mục tiêu, phương hướng hoạt động, chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm, định hướng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển khoa học và công nghệ, chủ trương đầu tư mở rộng hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

b) Thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Đề án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

c) Quyết định chủ trương về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

d) Quyết định chủ trương về xây dựng tổ chức bộ máy, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật viên chức, người lao động.

đ) Quyết định về chủ trương và trình cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và chế độ chính sách đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập; thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định.

e) Quyết định chủ trương về đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm, điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trước khi người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập quyết định phê duyệt theo thẩm quyền.

g) Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định về tài chính, tài sản, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, huy động nguồn lực cần thiết để phát triển hoạt động của đơn vị theo cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

h) Thông qua kế hoạch tài chính, tài chính hàng năm, 3 năm, mức phí của các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; các chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và báo cáo quyết toán tài chính hằng năm của đơn vị sự nghiệp công lập.

i) Phê duyệt phương án vay vốn, huy động vốn để đầu tư mở rộng, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất hiện có, mua bổ sung trang thiết bị để nâng cao chất lượng, tăng quy mô hoạt động sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và hoàn trả vốn theo quy định.

k) Thông qua đề án liên doanh, liên kết của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý, chiến lược, kế hoạch hoạt động, việc thực hiện quy chế dân chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định.

m) Định kỳ hoặc đột xuất xuất báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về các hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; kiến nghị với quản lý cấp trên những vấn đề liên quan đến hoạt động của đơn vị vượt quá thẩm quyền của Hội đồng quản lý.

n) Định kỳ hoặc đột xuất yêu cầu người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo về các hoạt động của đơn vị.

o) Quyết định các vấn đề quan trọng khác của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý có số lượng thành viên từ 05 đến 11 người, tổng số thành viên phải là số lẻ, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có) và các thành viên khác. Chế độ làm việc của Chủ tịch Hội đồng quản lý do cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quyết định căn cứ vào yêu cầu thực tế và quy định của pháp luật, các thành viên khác của Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Thành phần Hội đồng quản lý gồm có:

a) Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) của tổ chức khoa học và công nghệ công lập về các lĩnh vực: kế hoạch, tài chính, tổ chức cán bộ, nghiệp vụ chuyên môn,...;

b) Bí thư cấp ủy, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, đại diện tổ chức chính trị - xã hội của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Số lượng thành viên của Hội đồng quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này phải nhỏ hơn 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý.

4. Số lượng, cơ cấu, thành phần cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý do cấp có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quyết định.

Điều 7. Cơ chế hoạt động

1. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản lý:

a) Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, công khai, dân chủ, biểu quyết và quyết định theo đa số. Nghị quyết của Hội đồng quản lý được thông qua khi được ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng tham dự nhất trí thông qua hình thức bỏ phiếu kín. Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được ghi thành biên bản, có ý kiến, chữ ký của tất cả các dự họp hoặc ý kiến bằng văn bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản lý trong trường hợp không tổ chức cuộc họp. Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được gửi đến các thành viên Hội đồng.

Các nội dung đưa ra biểu quyết tại cuộc họp của Hội đồng quản lý sẽ không được đưa ra biểu quyết hoặc bị phủ quyết khi cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc thành viên Hội đồng quản lý phát hiện và chứng minh có sai phạm pháp luật.

b) Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng thẩm quyền;

c) Văn bản do Chủ tịch Hội đồng quản lý ký, ban hành được sử dụng con dấu của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và được lưu trữ theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý điều hành cuộc họp (khi Chủ tịch vắng mặt hoặc ủy quyền).

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý có thể mời đại diện một số tổ chức thuộc lĩnh vực hoạt động chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tham dự cuộc họp của Hội đồng quản lý để tham khảo ý kiến. Các thành viên cuộc họp này không có quyền biểu quyết.

3. Chế độ làm việc của Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý quyết định theo quy định của pháp luật, trên cơ sở yêu cầu thực tiễn, đặc thù của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

4. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý, chế độ phụ cấp và chế độ khác (nếu có) cho các thành viên Hội đồng quản lý được tính trong chi phí hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật.

5. Cơ chế hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý được cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

Điều 8. Quan hệ công tác

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý;

c) Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm chỉ đạo chuẩn bị các nội dung, tài liệu, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các cuộc họp, phiên họp Hội đồng quản lý.

2. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên:

a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập với cơ quan quản lý cấp trên;

c) Cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm thông qua hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

3. Quan hệ công tác của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 9. Quy chế hoạt động

1. Hội đồng quản lý làm việc theo Quy chế hoạt động được cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Các quy định chung.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

c) Số lượng, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý.

- d) Cơ chế hoạt động của Hội đồng quản lý.
 - đ) Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý.
 - e) Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản lý với cơ quan cấp trên và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.
 - g) Điều kiện làm việc và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật.
 - h) Các quy định khác bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật.
3. Hội đồng quản lý xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CHỦ TỊCH VÀ CÁC THÀNH VIÊN KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Tổ chức việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; kết quả quản lý điều hành của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập.
2. Điều hành Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 6 Thông tư này.
3. Lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý.
4. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động hằng quý và hằng năm của Hội đồng quản lý.
5. Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý.
6. Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản lý hoặc quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý.
7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.
8. Ký văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản lý.
9. Phê duyệt các văn bản thuộc chức năng, nhiệm vụ và các vấn đề liên quan của Hội đồng quản lý.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được Hội đồng quản lý và Chủ tịch Hội đồng quản lý phân công; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản lý điều hành Hội đồng quản lý và ký các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Hội đồng quản lý phân công hoặc trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý vắng mặt.

3. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

1. Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đề xuất với Hội đồng quản lý nội dung và các vấn đề cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản lý.

3. Góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

4. Bảo mật thông tin được cung cấp theo quy định hiện hành.

Điều 13. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm của thành viên và Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Thành viên Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Là công chức hoặc viên chức thuộc quản lý của cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý, cơ quan hoạt động trong lĩnh vực hoạt động chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ và chức trách được giao;

c) Không đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang thi hành quyết định kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử; không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

d) Có trình độ từ đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ được giao;

đ) Có kinh nghiệm từ 03 năm trở lên trong công tác quản lý, công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực hoạt động chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

e) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

g) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý.

h) Độ tuổi: Công chức, viên chức được đề nghị bổ nhiệm lần đầu làm thành viên Hội đồng quản lý phải có thời gian công tác thực tế còn lại từ đủ 5 năm trở lên tính từ thời điểm thực hiện quy trình bổ nhiệm; trường hợp đặc biệt báo cáo cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định;

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này và có năng lực quản lý và đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn như người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định pháp luật và quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 14. Điều kiện miễn nhiệm Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý được miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Nghi hưu theo quy định của pháp luật;

b) Chuyển công tác khác;

c) Tự nguyện xin thôi giữ chức vụ bằng văn bản và được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

d) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc để điều trị bệnh quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;

e) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm;

g) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

h) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một thời hạn bổ nhiệm;

i) Vi phạm các quy định khác đã quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

k) Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định;

l) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị đang công tác;

m) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm;

n) Các trường hợp khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản lý.

Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên và Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quyết định.

2. Nhiệm kỳ của các thành viên và Chủ tịch Hội đồng quản lý không quá 05 (năm) năm.

3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định của Đảng, của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đại học quốc gia, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý đáp ứng đủ điều kiện xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này.

2. Quyết định thành lập, bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại Thông tư này.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này có trách nhiệm xây dựng Đề án, chuẩn bị hồ sơ bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý và bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý theo quy định.

Điều 18. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 13/2017/TT-BKH&CN ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập hết hiệu lực thi hành.
3. Các quy định dẫn chiếu trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung dẫn chiếu cũng được điều chỉnh và thực hiện theo quy định đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế.
4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đại học quốc gia, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này. Căn cứ vào nguyên tắc, điều kiện thành lập Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập, quyết định việc thành lập Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật có liên quan.
5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan và người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
6. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Báo Tin nhanh Vnexpress;
- Tạp chí Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG

PHỤ LỤC

ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BKHCN ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý
- Điều 3. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý
- Điều 4. Chủ tịch Hội đồng quản lý
- Điều 5. Thư ký Hội đồng quản lý
- Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý
- Điều 7. Thủ tục giới thiệu thành viên Hội đồng quản lý và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản lý nhiệm kỳ tiếp theo
- Điều 8. Khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác Hội đồng quản lý

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

- Điều 9. Nguyên tắc chung
- Điều 10. Chế độ làm việc, chế độ họp của Hội đồng quản lý
- Điều 11. Quyết nghị của Hội đồng quản lý
- Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo của Hội đồng quản lý
- Điều 13. Quản lý văn bản, tài liệu của Hội đồng quản lý
- Điều 14. Cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý

Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

- Điều 15. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và Đảng ủy tổ chức khoa học và công nghệ công lập
- Điều 16. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập
- Điều 17. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và các đơn vị, tổ chức đoàn thể của tổ chức khoa học và công nghệ công lập
- Điều 18. Điều khoản thi hành